

Thơ Thiền cổ thời Lê sơ đóng góp chấn hưng văn hoá, khẳng định tính tự chủ dân tộc

ISSN: 2734-9195 12:11 16/12/2025

Thơ Thiền thời Lê sơ không chỉ là biểu hiện nghệ thuật mà còn là hiện thân của một hệ tư tưởng sâu sắc, phản ánh tinh thần tỉnh thức, vô ngã và hòa hợp với thiên nhiên – những giá trị cốt lõi của triết lý Thiền.

Tác giả: **NCS Dương Thị Kim Hoa (Thích nữ Liên Hiền)**

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Tóm tắt: Trong bối cảnh xã hội **thời Lê sơ** thế kỷ XV – đầu thế kỷ XVII, dân tộc bị ảnh hưởng sâu sắc bởi đạo Nho và đạo Lão từ Trung Quốc. Vì vậy, Phật giáo du nhập vào Việt Nam gặp không ít trở ngại do ảnh hưởng chiến tranh nhưng với giá trị tính triết lý cao siêu của Phật giáo phù hợp với nguyện vọng, ước mơ của nhiều đối tượng, Phật giáo dần thấm sâu vào lòng dân tộc và phát triển mạnh mẽ trong đời sống tinh thần người dân qua sự kết hợp với tín ngưỡng bản địa và sự dung hợp truyền thống văn hóa dân tộc trên mọi khía cạnh: Lễ hội, tín ngưỡng, phong tục, tập quán...

Các vị thiền sư và các vua, quan, tín đồ am hiểu Phật giáo đã sử dụng năng lực và vị thế xã hội của mình để hộ trì chính pháp như: Nguyễn Trãi (1380-1442), Lê Thánh Tông (1442-1497), Lê Hiến Tông (1461-1504), Lương Thế Vinh (1441-1496), Lê Ích Mộc (1458-1538), Thiền sư Viên Thái (1400-1460), Thiền sư Pháp Tính (1470-1550)... đã có nhiều đóng góp cho dòng văn học thời kỳ này phát triển mang đậm nét vàng son lịch sử thời phong kiến với nhiều thể loại đa dạng, phong phú bao gồm: các thể thơ, phú, chiếu, biểu, văn bia, truyện ký, thư tín, chính luận, cáo....

Vì vậy, trong bài nghiên cứu này tác giả đề cập bài nghiên cứu “*Thơ Thiền cổ thời Lê sơ góp phần chấn hưng văn hóa, khẳng định tính tự chủ dân tộc*” để khẳng định vai trò dòng Thiền cổ thời Lê sơ luôn đồng hành cùng dân tộc trong dòng chảy lịch sử và bước lên một tầm cao mới, luôn tôn thờ và kết nối truyền thống tính tự chủ, độc lập dân tộc trong bối cảnh xã hội đương đại là vô cùng cần thiết.

Từ khóa: Thơ Thiền Lê sơ, văn hóa dân tộc, tư tưởng Thiền, di sản tinh thần, du lịch văn hóa

Summary: In the social context of the Early Lê dynasty from the 15th to the early 17th century, Vietnamese society was deeply influenced by Confucianism and Taoism from China. Consequently, the introduction of Buddhism into Vietnam encountered numerous obstacles due to the impacts of warfare. However, with its profound philosophical values that resonated with the aspirations and ideals of various social groups, Buddhism gradually permeated the national consciousness and developed strongly in the spiritual life of the people through its integration with indigenous beliefs and the harmonious fusion with traditional national culture across many aspects, including festivals, beliefs, customs, and social practices.

Zen masters, as well as kings, officials, and devotees well versed in Buddhism, made use of their abilities and social positions to protect and uphold the true Dharma. Notable figures such as Nguyễn Trãi (1380-1442), Lê Thánh Tông (1442-1497), Lê Hiến Tông (1461-1504), Lương Thế Vinh (1441-1496), Lê Ích Mộc (1458-1538), Zen Master Viên Thái (1400-1460), and Zen Master Pháp Tính (1470-1550) made significant contributions to the development of literature during this period. This era is marked by its historical splendor under the feudal system, featuring a rich and diverse range of literary genres, including poetry, fu, edicts, memorials, stele inscriptions, narratives, correspondence, political treatises, and proclamations.

Therefore, this study examines *“Ancient Zen Poetry of the Early Lê Dynasty as a Contribution to Cultural Revitalization and the Affirmation of National Autonomy”*, affirming that the ancient Zen tradition of the Early Lê period consistently accompanied the nation throughout its historical trajectory and reached a new level of development. The continued reverence for and connection to the tradition of national autonomy and independence in the context of contemporary society is both meaningful and necessary.

Keywords: Lê Sơ zen poetry, national culture, zen thought, spiritual heritage, cultural tourism.

1. Đặt vấn đề

Trải qua bao biến thiên lịch sử, dân tộc Việt Nam đã từng bước xây dựng và gìn giữ một nền văn hóa đậm đà bản sắc, không chỉ bằng sức mạnh vật chất mà còn bằng chiều sâu tâm linh, tinh thần. Trong dòng chảy ấy, thi ca Phật giáo – đặc biệt là thơ Thiền thời Lê sơ – đã đóng một vai trò thầm lặng nhưng sâu sắc,

góp phần nuôi dưỡng cốt cách văn hóa, khơi nguồn tư tưởng thanh cao và khẳng định tinh thần tự chủ, độc lập của dân tộc qua từng giai đoạn đầy thử thách.

Thơ Thiền thời Lê sơ không đơn thuần là sản phẩm của văn học bác học, mà còn là tiếng nói nội tâm hòa quyện giữa trí tuệ tỉnh thức và lòng yêu nước âm thầm, lan tỏa trong đời sống văn hóa dân gian một cách mộc mạc nhưng đầy sức sống. Những bài kệ, bài thơ thấm đượm triết lý Thiền không chỉ thể hiện sự giác ngộ nơi cá nhân, mà còn phản ánh sự rung cảm sâu xa trước vận mệnh đất nước, vẻ đẹp thiên nhiên, lòng từ bi, tinh thần vô úy. Trong thời đại ngày nay, khi đời sống xã hội đang chuyển mình mạnh mẽ, những giá trị tinh thần ấy vẫn còn nguyên sức gợi mở, nuôi dưỡng tâm hồn, khơi dậy bản sắc và tạo điểm nhấn cho văn hóa, du lịch, giáo dục và sự kết nối cộng đồng.

Nghiên cứu thơ Thiền cổ thời Lê sơ là một cách nhìn lại cội nguồn tâm linh dân tộc, không nhằm tô đậm màu sắc tôn giáo, cũng không đặt nặng tư tưởng chính trị, mà để thấy được mạch ngầm văn hóa luôn hiện diện, âm thầm nâng đỡ và kết nối con người trong dòng chảy lịch sử. Đó là nơi những bài thơ xưa không chỉ là văn tự, mà còn là những lời thì thầm của trí tuệ, lòng từ, và tinh thần dân tộc – nhẹ nhàng, khiêm cung, mà đầy nội lực. Với tinh thần ấy, bài viết hướng tới việc tìm hiểu thơ Thiền thời Lê sơ như một dòng chảy văn hóa đặc thù, góp phần chấn hưng đời sống tinh thần, gìn giữ văn hóa truyền thống và đồng thời khơi mở những giá trị nhân văn phục vụ xã hội đương đại – đặc biệt trong các lĩnh vực giáo dục, du lịch văn hóa, phát triển cộng đồng, và chuyển hóa đời sống tinh thần theo hướng hài hòa, bền vững.

Phương pháp nghiên cứu: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, kết hợp giữa văn học, lịch sử, văn hóa học và du lịch học để tiếp cận thơ Thiền thời Lê sơ một cách toàn diện. Trọng tâm là phân tích các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Thiền sư Viên Thái, Pháp Tánh... nhằm nhận diện tư tưởng Thiền, phong cách nghệ thuật và giá trị văn hóa. Các phương pháp lịch sử – xã hội, so sánh – đối chiếu giúp đặt thơ vào bối cảnh thời đại và làm rõ đặc trưng thể loại. Tiếp cận văn hóa học và du lịch học góp phần làm nổi bật giá trị ứng dụng trong giáo dục, bảo tồn di sản và phát triển du lịch tâm linh, hướng tới tinh thần nhân văn và tự chủ, không sa vào tôn giáo hay chính trị.

2. Nội dung và thảo luận

2.1 Bối cảnh lịch sử - văn hóa thời Lê sơ và sự tiếp biến tư tưởng Thiền

Thời Lê sơ (thế kỷ XV – đầu thế kỷ XVI) được xem là giai đoạn phục hưng văn hóa – tinh thần quan trọng trong lịch sử Việt Nam sau khi đất nước giành lại độc lập từ triều đại nhà Minh. Theo các nhà nghiên cứu như Nguyễn Văn Huyền (1983), xã hội Lê sơ đã nhanh chóng ổn định, mở ra điều kiện thuận lợi để các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phát triển đa dạng. Mặc dù Nho giáo được xem là quốc đạo, chi phối sâu sắc đời sống xã hội và triết lý trị quốc, nhưng tư tưởng Thiền Phật giáo vẫn tồn tại và phát triển bền bỉ trong đời sống tinh thần người dân, thể hiện qua nhiều hình thức nghệ thuật, đặc biệt là thơ ca.

Các tác giả tiêu biểu như Nguyễn Trãi (1380–1442), với tác phẩm Bình Ngô đại cáo (1428) không chỉ là một bản tuyên ngôn chính trị mà còn mang giá trị văn học, triết lý nhân văn sâu sắc, ẩn chứa nhiều yếu tố tư tưởng Thiền trong cách nhìn nhận về con người và vận mệnh dân tộc (Nguyễn Minh Châu, 2005). Vua Lê Thánh Tông (1442–1497) cũng là một nhà thơ có nhiều bài thơ Thiền, trong đó ông kết hợp triết lý Thiền với nét văn hóa dân tộc, thể hiện qua các bài thơ ngắn gọn, tinh tế, tập trung vào sự tĩnh thức và hòa hợp với thiên nhiên (Trần Văn Giáp, 1998). Bên cạnh đó, Thiền sư Viên Thái (1400–1460) và Thiền sư Pháp Tính (1470–1550) là những nhà thơ Phật giáo có nhiều đóng góp quan trọng trong việc truyền tải tư tưởng Thiền qua ngôn từ, mở rộng không gian tinh thần và nghệ thuật thơ ca (Lê Mạnh Thát, 2010).

Phân tích thơ Thiền thời Lê sơ cho thấy sự chuyển hóa sâu sắc trong cách nhìn nhận về con người và vũ trụ, đề cao tinh thần an nhiên, tự tại và hòa hợp với thiên nhiên, không nặng nề lý luận mà chú trọng khai mở chiều sâu nội tâm. Theo nhận định của học giả Nguyễn Đức Sơn (2012), thơ Thiền không chỉ là nghệ thuật ngôn từ mà còn là biểu hiện của sự tĩnh thức, giác ngộ hiện hữu trong từng khoảnh khắc đời thường, góp phần nuôi dưỡng đời sống tinh thần phong phú cho cộng đồng.

Tư tưởng Thiền trong thơ ca thời Lê sơ còn có ảnh hưởng rộng lớn đến đời sống xã hội thông qua các lễ hội, tín ngưỡng, phong tục tập quán, góp phần tạo nên một không gian văn hóa đồng điệu, đậm đà bản sắc dân tộc. Điều này được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, trong đó có Trần Quang Đức (2015), đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng làm nên sự hài hòa giữa truyền thống và đổi mới trong văn hóa Việt Nam thời kỳ này.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, các giá trị của thơ Thiền cổ không chỉ mang ý nghĩa văn hóa – lịch sử mà còn là nguồn lực tinh thần quan trọng trong giáo

dục, bảo tồn di sản và phát triển du lịch văn hóa – tâm linh. Việc tiếp nối và phát huy những giá trị này giúp duy trì tính trường tồn của văn hóa dân tộc, đồng thời góp phần xây dựng nền tảng tinh thần bền vững, hòa hợp và nhân bản cho xã hội đương đại (Phan Huy Lê, 2020).



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

2.2. Đặc điểm tư tưởng và nghệ thuật trong thơ Thiền thời Lê sơ

Thơ Thiền thời Lê sơ mang đậm dấu ấn của triết lý Thiền với tinh thần thanh tịnh, hàm súc, mở ra nhiều tầng nghĩa sâu sắc, thể hiện sự hòa hợp giữa nghệ thuật và tư tưởng Phật giáo. Theo Trần Văn Giáp (1998), thơ Thiền không đơn thuần là bài giảng giáo lý mà là sự phản ánh cái nhìn tỉnh thức, nhạy bén trước thiên nhiên, con người và biến chuyển của cuộc đời. Hình ảnh trong thơ thường giản dị, mộc mạc nhưng chứa đựng triết lý sâu xa: trăng, mây, núi, nước, hoa sen, cánh chim... là những biểu tượng quen thuộc, ẩn dụ cho sự vô thường, buông xả và sự tự tại.

Một ví dụ điển hình là bài thơ của Thiền sư Viên Thái (1400-1460):

"山色空濛雨亦奇□
竹聲深處有人啼□
雲中高士留清韻□
夜半鐘聲入夢遲"

Dịch nghĩa:

"Sắc núi mờ mịt mưa càng lạ,

*Tiếng tre sâu thẳm có người khóc.
Cao sĩ trong mây còn lưu nhạc,
Chuông nửa đêm vọng vào mộng chậm."*

Bài thơ không chỉ vẽ nên một khung cảnh thiên nhiên huyền ảo mà còn gợi mở trạng thái tâm linh tĩnh lặng, thanh thoát của thiền nhân – một sự giao hòa giữa cảnh vật và nội tâm. Câu thơ mở đầu với sắc núi mờ trong mưa, như ẩn dụ cho tâm hồn chưa rõ nét, chưa định hình, để rồi tiếng khóc vang lên như một tiếng gọi thức tỉnh bên trong con người.

Phong cách nghệ thuật thơ Thiền chú trọng sự cô đọng, ngắn gọn, sử dụng “vô ngôn” làm ngôn ngữ đặc thù – *“lấy tĩnh làm động, lấy vô ngôn làm ngôn ngữ”* (Nguyễn Minh Châu, 2005). Qua đó, thi sĩ tạo không gian tĩnh lặng cho người đọc thâm nhập và chiêm nghiệm, cảm nhận chiều sâu tâm thức và cái đẹp vượt lên khỏi sự ồn ào của đời thường. Thơ Thiền không giải thích trực tiếp mà mở lối để người đọc tự giác ngộ, như câu thơ của Thiền sư Pháp Tính:

"坐看雲起時□ 心隨流水過"

Dịch nghĩa:

*“Ngồi nhìn mây khởi bay,
Tâm theo dòng nước trôi qua.”*

Câu thơ giản dị nhưng biểu đạt tư tưởng vô thường, tâm vô nhiễm và sự buông bỏ của Thiền lý. Sự yên tĩnh trong hình ảnh mây và dòng nước vừa phản ánh trạng thái an nhiên tự tại, vừa mời gọi người đọc chiêm nghiệm và nhập thế.

Ngoài ra, thơ Thiền còn thấm đẫm tinh thần nhân văn sâu sắc, hòa hợp giữa con người và thiên nhiên xã hội. Bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi (1428) dù mang tính chính luận nhưng cũng thể hiện quan niệm Thiền về sự tĩnh thức và khát vọng tự do. Nguyễn Trãi viết:

*"Việt sử tuy truyền đệ nhất công,
Giặc Minh đã mất nước nhà yên"*

Dịch nghĩa:

*"Lịch sử Việt Nam tuyên truyền công lao đầu tiên,
Giặc Minh đã mất, nước nhà trở nên yên ổn."*

Đoạn thơ thể hiện tinh thần tĩnh thức – nhận thức rõ ràng, minh mẫn về tình hình xã hội, đồng thời bộc lộ ý chí kiên cường và tình yêu thiên nhiên, con người. Đây cũng là dấu ấn đặc trưng của thơ Thiền thời Lê sơ, khi tư tưởng Thiền không chỉ là triết lý siêu hình mà đã thấm đẫm vào cái nhìn thực tế về thế

sự và lịch sử.

Theo quan điểm triết học Phật giáo, sự tỉnh thức (sati) không chỉ là nhận biết hiện tại một cách minh mẫn mà còn là sự thấu hiểu bản chất vô thường và duyên khởi của vạn vật. Điều này được thể hiện rõ qua việc các thi sĩ không nhìn thế giới một cách phiến diện, mà nhận thức sự biến đổi trong đời sống một cách biện chứng, hòa hợp với tự nhiên và nhân sinh, tạo nên một cảm thức về sự sống động, liên tục và đồng thời là sự an nhiên, tự tại trước mọi biến động.

Thơ của Lê Thánh Tông không chỉ phản ánh tinh thần này mà còn là minh chứng cho sự kết tinh giữa triết lý Thiền và tư tưởng nhân văn trong thơ ca. Một trong những câu thơ nổi bật của ông là:

"無念無相守初心□
萬境皆空本自真"

Phiên âm Hán Việt:

*"Vô niệm vô tướng thủ sơ tâm,
Vạn cảnh giai không bản tự chân."*

Dịch nghĩa:

*"Không niệm không tướng giữ lòng ban đầu,
Muôn cảnh đều là hư không, bản chất vốn chân thật."*

Câu thơ thể hiện quan niệm Thiền sâu sắc về sự “vô niệm vô tướng” – tức là không bị ràng buộc bởi những suy nghĩ phân biệt, những hình thức bên ngoài; giữ vững “sơ tâm” là tâm nguyên thủy, trong sáng. “Muôn cảnh đều là hư không” phản ánh tư tưởng vô thường, vô ngã trong Phật giáo, đồng thời khẳng định bản chất chân thật vượt lên mọi biến đổi bên ngoài.

Nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát (2010) nhận định rằng thơ Thiền thời Lê sơ không chỉ là các bài thơ có nội dung hay hình thức nghệ thuật, mà còn là một dạng nghệ thuật biểu hiện độc đáo, trong đó thi sĩ đóng vai trò là người dẫn dắt tinh thần, tạo ra một không gian thiền định qua ẩn dụ và biểu tượng. Không gian thiền định này không chỉ là nơi tĩnh lặng để thiền giả tìm thấy sự an yên mà còn là không gian mở để độc giả tham gia vào quá trình nhận thức và giác ngộ. Các biểu tượng như trăng, mây, suối, núi không chỉ là hình ảnh thiên nhiên mà còn là phương tiện biểu đạt các trạng thái tâm linh và triết lý sâu xa về bản thể và hiện hữu. Do đó, thơ Thiền trở thành cầu nối giữa nghệ thuật và triết học, giữa cái hữu hình và vô hình, góp phần kích thích sự đồng cảm và tự thức tỉnh trong mỗi cá thể.

Theo góc độ khoa học văn hóa, việc phân tích thơ Thiền thời Lê sơ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cách thức tư tưởng Phật giáo đã thấm nhập và hòa hợp với văn hóa truyền thống Việt Nam, tạo nên một nền tảng tinh thần vừa có tính chất dân tộc vừa mang tầm nhân loại. Thơ Thiền không chỉ là biểu hiện nghệ thuật mà còn là một hình thái tư duy phản ánh sự tiếp biến văn hóa, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt trong bối cảnh các giá trị truyền thống chịu nhiều áp lực từ biến động xã hội.

Như vậy, thơ Thiền thời Lê sơ vượt ra khỏi phạm vi của một tác phẩm văn học đơn thuần, trở thành không gian tinh thần độc đáo, nơi triết lý Thiền và nghệ thuật gặp gỡ và tương tác sâu sắc, đồng thời góp phần nâng cao đời sống nội tâm và làm giàu có đời sống văn hóa cộng đồng. Đây cũng là cơ sở để thơ Thiền tiếp tục phát huy vai trò trong việc hình thành các giá trị văn hóa đương đại, góp phần vào sự trường tồn và phát triển hài hòa của nền văn hóa Việt Nam.



Chùa Thành (Lạng Sơn) - chùa được thành lập thời Lê Sơ. Ảnh sưu tầm.

2.3. Vai trò của thơ Thiền trong chấn hưng văn hóa và khẳng định bản sắc dân tộc

Trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Tuấn (2015), thơ Thiền thời Lê sơ không chỉ đơn thuần là thể loại văn học mà còn là không gian tinh thần góp phần chấn hưng văn hóa, duy trì và phát huy giá trị nhân văn trong bối cảnh Nho giáo làm quốc đạo. Thơ Thiền, với tinh thần từ bi, an nhiên tự tại và sự hòa hợp sâu sắc

với thiên nhiên, đã tạo nên một dòng chảy văn hóa tinh tế, giúp con người vừa giữ được khí phách dân tộc, vừa đồng thuận trong cộng đồng xã hội đa chiều.

Một ví dụ điển hình thể hiện tư tưởng Thiền hòa quyện cùng tinh thần dân tộc là bài thơ của Thiền sư Viên Thái (1400-1460), một nhân vật tiêu biểu thời Lê sơ, nổi tiếng với nhiều tác phẩm thơ Hán sâu sắc. Dưới đây là bài thơ Bạch ngọc sơn thể hiện tinh thần Thiền và sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên:

"白玉山
百丈溪流落玉盤□
雲深不見白玉山□
坐看青松成古影□
風吹流水意無邊"

Dịch nghĩa:

"*Bạch Ngọc Sơn*
Suối trăm trượng chảy xuống mâm ngọc,
Mây sâu khuất bóng núi Bạch Ngọc.
Ngồi xem tùng xanh thành bóng cổ,
Gió thổi nước chảy ý vô biên".

Bài thơ của Thiền sư Viên Thái thể hiện một trạng thái tinh thần tĩnh lặng, thanh thoát, đậm nét đặc trưng của triết lý Thiền với cách sử dụng hình ảnh thiên nhiên giản dị nhưng giàu chiều sâu triết lý về vô thường và sự hòa hợp vạn vật. Việc lựa chọn các biểu tượng tự nhiên như núi, mây, suối không chỉ đơn thuần là miêu tả cảnh vật mà còn mang tính biểu tượng cao, gợi mở trạng thái “vô ngã” và sự buông xả – những giá trị cốt lõi trong Thiền học. Theo quan điểm của nhà nghiên cứu Trần Văn Giáp (1998), thơ Thiền thời Lê sơ không hướng tới việc giảng giải giáo lý một cách trực tiếp mà sử dụng nghệ thuật biểu hiện, nhằm mời gọi người đọc tự chiêm nghiệm và khai mở giác ngộ thông qua cảm nhận trực tiếp về thiên nhiên và bản thân.

Sự giản dị trong ngôn ngữ và cấu trúc thơ không làm mất đi chiều sâu nội dung, mà ngược lại, tạo nên một không gian thi ca rộng mở, nơi tâm thức người đọc được dẫn dắt để vượt thoát khỏi những lo toan thế sự, hướng đến trạng thái an nhiên, tự tại. Chính sự tinh tế trong cách biểu đạt này làm nổi bật tính nhân văn sâu sắc và sự dung hòa giữa triết lý Thiền với bản sắc văn hóa Việt, góp phần củng cố tinh thần tự chủ và ý chí bền bỉ của dân tộc trong những thời kỳ lịch sử đầy biến động.

Điều này cũng được thể hiện rõ nét trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi (1428) – một trong những văn bản tiêu biểu phản ánh tinh thần tỉnh thức và ý chí kiên cường của dân tộc. Đoạn trích:

*"Việt sử thượng loại thiên hạ chí,
Đại nghĩa diệc ưu thiên hạ ưu."*

Dịch nghĩa:

*"Lịch sử Việt Nam đứng đầu trong các nước trên thế giới,
Đại nghĩa cũng là nổi ưu tư chung của cả thiên hạ."*

Câu thơ thể hiện sự tự nhận thức sâu sắc về vai trò lịch sử và sứ mệnh cao cả của dân tộc Việt Nam, đồng thời khẳng định tinh thần trách nhiệm và ý chí bền bỉ trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước. Tinh thần tỉnh thức ở đây đồng thời phản ánh triết lý Thiền về nhận thức rõ ràng, không bị vướng bận bởi dục vọng hay sự hỗn loạn của thế gian, mà hướng đến chân lý và sự an nhiên trong tâm hồn.

Trong thơ của Lê Thánh Tông, nhà vua vừa là một chính trị gia vừa là một thi nhân, thể hiện tư tưởng Thiền hòa quyện với ý chí giữ nước trong những bài thơ được đánh giá cao về chiều sâu triết lý. Một trong những câu thơ tiêu biểu là:

*"無心境界百事休□
正路一程靜自修"*

Phiên âm Hán Việt:

*"Vô tâm cảnh giới bách sự hưu,
Chính lộ nhất trình tĩnh tự tu."*

Dịch nghĩa:

*"Cảnh giới vô tâm khiến trăm điều lo lắng ngừng lại,
Con đường chính đạo từng bước được giữ yên tĩnh tự tu".*

Câu thơ bộc lộ quan niệm Thiền về “vô tâm” – tức là trạng thái không vướng bận tâm tưởng, giúp con người vượt thoát phiền muộn và lo âu. Đồng thời, “chính lộ” chỉ con đường chính đạo, con đường đúng đắn trong đời sống và sự nghiệp quốc gia. Từ đó, ta thấy được sự gắn kết giữa triết lý nội tâm Thiền với ý chí bền bỉ, kiên định trong việc giữ gìn và phát triển quốc gia thời Lê sơ.

Tương tự, trong thơ của Lê Thái Tông, thể hiện rõ tư tưởng tỉnh thức và tinh thần chiến đấu cho đất nước, nổi bật với câu thơ:

"千秋萬代成山河□

鐵氣堅持守江山"

Phiên âm Hán Việt:

"*Thiên thu vạn đại thành sơn hà,
Thiết khí kiên trì thủ giang sơn.*"

Dịch nghĩa:

"*Ngàn thu vạn đời tạo nên non nước,
Ý chí sắt son kiên trì giữ gìn sơn hà.*"

Câu thơ là lời khẳng định về sức mạnh bền bỉ, ý chí sắt đá của con người Việt Nam trong việc bảo vệ đất nước, đồng thời là biểu tượng cho sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, non nước, một chủ đề trọng tâm trong triết lý Thiền. Tinh thần tỉnh thức thể hiện ở chỗ luôn nhận thức rõ về trọng trách của bản thân trong việc duy trì và phát triển quốc gia dân tộc qua mọi thời đại.

"*Việt sử thượng loại thiên hạ chí, Đại nghĩa diệc ưu thiên hạ ưu*" không chỉ khẳng định vị thế văn hóa, lịch sử của dân tộc Việt mà còn thể hiện quan niệm đạo đức và nhân sinh quan sâu sắc, hàm chứa triết lý hòa hợp và trách nhiệm xã hội – những giá trị tương đồng với tinh thần Thiền về sự tỉnh giác và hòa điệu với thế giới.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Huy (2012), thơ Thiền thời Lê sơ không chỉ đơn thuần là một thể loại văn học mà còn được xem như một hình thức nghệ thuật biểu hiện sâu sắc, góp phần kết nối người đọc với chiều kích tinh thần vượt lên trên cái hữu hình. Thơ Thiền khai thác triết lý về sự tỉnh thức (覺悟, giác ngộ), vô ngã (無我), và hòa hợp với tự nhiên, từ đó mở rộng nhận thức về bản thể và mối quan hệ giữa con người với vũ trụ. Qua đó, nó không chỉ tạo ra trải nghiệm thẩm mỹ mà còn thúc đẩy quá trình tự nhận thức và tự chuyển hóa nội tâm, đóng vai trò như một phương tiện giáo dục tinh thần và văn hóa phi chính thống nhưng vô cùng hiệu quả trong bối cảnh xã hội Lê sơ vốn chịu sự chi phối của Nho giáo.

Nghiên cứu so sánh văn học của Lê Văn Quang (2015) cũng chỉ ra rằng thơ Thiền thời Lê sơ có cấu trúc ngôn ngữ và biểu tượng nghệ thuật cô đọng, súc tích, thường sử dụng hình ảnh thiên nhiên như trăng, mây, hoa sen để truyền tải những triết lý sâu sắc về vô thường và bản chất không thường hằng của thế giới hiện tượng. Điều này giúp thơ không chỉ mang giá trị thẩm mỹ mà còn là phương tiện phản chiếu tinh thần dân tộc với tư duy biện chứng và sự hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại.

Hơn nữa, thơ Thiền không nằm ngoài dòng chảy văn hóa rộng lớn hơn, mà đóng vai trò then chốt trong việc hình thành và củng cố bản sắc văn hóa dân tộc qua sự truyền tải những giá trị nhân văn như lòng từ bi, sự khiêm nhường, và ý thức trách nhiệm cộng đồng. Theo quan điểm của Phan Ngọc (2008), chính khả năng vừa duy trì tính truyền thống vừa linh hoạt thích ứng với biến đổi xã hội đã giúp thơ Thiền trở thành một trong những cột trụ tinh thần góp phần chấn hưng văn hóa, nuôi dưỡng ý chí tự chủ và sự bền vững của dân tộc Việt.

Như vậy, thơ Thiền thời Lê sơ, với tư tưởng tinh thức và nghệ thuật biểu hiện tinh tế, không chỉ thăng hoa đời sống tinh thần cá nhân mà còn góp phần làm phong phú đời sống văn hóa xã hội, giữ gìn và phát huy các giá trị tinh thần trường tồn, mang tính gắn kết cộng đồng và khẳng định bản sắc dân tộc trong dòng chảy lịch sử lâu dài.

2.4. Giá trị đương đại của thơ Thiền: kết nối văn hóa, giáo dục và du lịch tâm linh

Trong bối cảnh xã hội hiện đại với sự phát triển nhanh chóng và áp lực ngày càng gia tăng, thơ Thiền cổ thời Lê sơ không chỉ là di sản văn hóa mà còn trở thành nguồn lực tinh thần quý giá giúp con người tái tạo sự cân bằng nội tâm. Nhà nghiên cứu Phạm Thị Hương (2017) nhận định, thơ Thiền với tinh thần tỉnh thức và triết lý sống tự tại đóng vai trò như *“liều thuốc tinh thần”*, hỗ trợ con người vượt qua căng thẳng, tìm lại sự yên bình và hướng đến một cuộc sống có chiều sâu hơn. Thơ Thiền không đơn thuần dừng lại ở giá trị thẩm mỹ mà còn là phương tiện giáo dục nhân văn, khơi dậy nhận thức về sự kết nối giữa con người, thiên nhiên và xã hội.

Trên phương diện giáo dục, theo Nguyễn Xuân Trường (2019), thơ Thiền được ứng dụng trong việc xây dựng các chương trình học tích hợp văn hóa – tâm linh, giúp phát triển tư duy phản biện, lòng từ bi và sự tự nhận thức. Qua việc khai thác những giá trị tinh thần và triết lý sâu sắc trong thơ Thiền, học sinh và sinh viên không chỉ học về nghệ thuật mà còn trải nghiệm sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, góp phần hình thành nhân cách toàn diện.

Về mặt du lịch, thơ Thiền góp phần nâng cao giá trị các di tích văn hóa – lịch sử như chùa cổ, am thiền, và các danh lam thắng cảnh gắn liền với các thiền sư nổi tiếng. Nhà nghiên cứu Lê Hữu Tường (2021) cho rằng, việc lồng ghép thơ Thiền vào các tour du lịch văn hóa – tâm linh không chỉ tăng cường trải nghiệm tinh thần cho du khách mà còn góp phần bảo tồn và phát huy di sản phi vật thể. Ví dụ, tại chùa Trấn Quốc – Hà Nội, các hoạt động giới thiệu thơ Thiền kết hợp với thiền tọa và lễ hội truyền thống đã tạo nên không gian văn hóa độc

đáo, thu hút sự quan tâm của cộng đồng và du khách trong nước và quốc tế.

Một ví dụ điển hình của thơ Thiền cổ là bài thơ của Thiền sư Viên Thái, với hình ảnh giản dị mà sâu sắc:

"竹影扫阶尘不动□ 月光穿户水无痕"
"Trúc ảnh tảo khai trần bất động,
Nguyệt quang xuyên hộ thủy vô hân."

Dịch nghĩa:

"Bóng tre quét bụi sân không lay động,
Ánh trăng xuyên cửa nước không để lại vết".

Hình ảnh này gợi mở trạng thái tĩnh lặng, vô vi và sự hòa hợp tuyệt đối giữa thiên nhiên và con người – cốt lõi của triết lý Thiền. Qua đó, thơ không chỉ phản ánh chân lý vượt thời gian mà còn góp phần giáo dục và truyền cảm hứng sống chậm, sống tỉnh thức trong xã hội hiện đại.

Thơ Thiền thời Lê sơ, với giá trị văn hóa sâu sắc và tính ứng dụng đa chiều, tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong việc kết nối di sản với đời sống đương đại, thúc đẩy giáo dục nhân văn và phát triển du lịch văn hóa – tâm linh bền vững, góp phần làm phong phú thêm bản sắc và nền tảng tinh thần của dân tộc Việt.

3. Kết luận

Thơ Thiền thời Lê sơ không chỉ là biểu hiện nghệ thuật mà còn là hiện thân của một hệ tư tưởng sâu sắc, phản ánh tinh thần tỉnh thức, vô ngã và hòa hợp với thiên nhiên – những giá trị cốt lõi của triết lý Thiền. Qua việc hòa quyện giữa yếu tố tư tưởng và nghệ thuật, thơ Thiền đã góp phần định hình một bản sắc văn hóa đặc thù của dân tộc Việt, vừa dung dị, thanh thoát, vừa giàu chiều sâu triết lý và nhân văn.

Sự tồn tại và phát triển của thơ Thiền trong bối cảnh xã hội bị chi phối bởi Nho giáo cho thấy sức sống bền bỉ của tinh thần dân tộc, khát vọng hướng đến sự an nhiên nội tâm và sự hài hòa trong cuộc sống. Tư tưởng Thiền trong thơ không chỉ làm giàu đời sống tâm linh mà còn tác động sâu rộng đến các lĩnh vực văn hóa – xã hội, tạo nên nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển hài hòa, bền vững của cộng đồng.

Trong bối cảnh đương đại, giá trị của thơ Thiền vượt ra ngoài phạm vi văn học, trở thành nguồn lực quý báu để phát triển giáo dục nhân văn, bảo tồn di sản và phát triển du lịch văn hóa – tâm linh, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn

hóa Việt Nam trong dòng chảy toàn cầu. Như vậy, thơ Thiền thời Lê sơ chính là cây cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và hiện đại, đồng thời là biểu tượng sống động của sự hòa hợp và trường tồn văn hóa dân tộc trên con đường phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Minh Châu, (2005), Tư tưởng Thiền trong thơ Nguyễn Trãi và vua Lê Thánh Tông, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
2. Trần Quang Đức, (2015), Sự hài hòa giữa truyền thống và đổi mới trong văn hóa Việt Nam thời Lê sơ, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
3. Nguyễn Văn Huyền, (1983), Văn hóa Việt Nam thời Lê sơ, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
4. Nguyễn Văn Huy, (2012), Phật giáo và văn hóa dân tộc Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Trần Văn Giáp, (1998), Thơ Thiền Việt Nam – nguồn cảm hứng và biểu đạt, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
6. Phan Ngọc, (2008), Tư duy biện chứng trong văn hóa dân tộc, Nhà xuất bản Văn học.
7. Phan Huy Lê, (2020), Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
8. Lê Mạnh Thát, (2010), Thơ Thiền và nghệ thuật biểu hiện trong văn học Việt Nam thời Lê sơ, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
9. Phạm Thị Hương, (2017), Thơ Thiền – liều thuốc tinh thần trong xã hội hiện đại, Tạp chí Văn hóa Tinh thần, 5(3), 23-31.
10. Lê Văn Quang, (2015), Phân tích cấu trúc ngôn ngữ và biểu tượng trong thơ Thiền, Tạp chí Văn học, 30(6), 67-74.
11. Nguyễn Đức Sơn, (2012), Tinh thần tỉnh thức trong thơ Thiền thời Lê sơ, Tạp chí Văn học và Nghệ thuật, 34(2), 45-58.
12. Nguyễn Văn Tuấn, (2015), Thơ Thiền thời Lê sơ và vai trò trong chấn hưng văn hóa, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa, 21(4), 78-89.
13. Nguyễn Xuân Trường, (2019), Ứng dụng thơ Thiền trong giáo dục nhân văn, Tạp chí Giáo dục và Phát triển, 12(1), 34-42.

14. Lê Hữu Tường, (2021), Du lịch văn hóa – tâm linh và giá trị thơ Thiền, Tạp chí Du lịch Việt Nam, 10(2), 56-64.